SAO Y; Ủy ban nhân dân thành phố Lai châu; 25/12/2020 11:21:29

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:1701/QĐ-UBND	*Thành phố Lai Châu, ngày 25 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
V/v Bồi thường, hỗ trợ bổ sung lần 4 dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Quyết định số 1624/QĐ-UBND ngày 15/12/2020 của UBND thành phố Lai Châu Về việc phê duyệt bổ sung lần 4 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 681 /TTr-TNMT ngày 21/12/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ gia đình: **Bà Phan Thị Máy - Cư trú tại: Bản Tả Làn Than, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu; ông Nguyễn Quang Tuấn – Cư trú tại: Tổ 9, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu và ông Ngô Mạnh Thường – Cư trú tại: Tổ 12, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu** *(đồng quyền sử dụng đất)*, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **318.868.138 đồng**.

(Bằng chữ: Ba trăm mười tám triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn một trăm ba mươi tám đồng).

(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt bổ sung lần 4 phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Tân Phong.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì các hộ gia đình: Bà Phan Thị Máy, ông Nguyễn Quang Tuấn và ông Ngô Mạnh Thường có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Tân Phong; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Hữu Cam

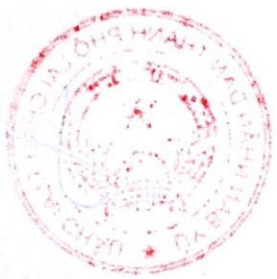

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (PHÊ DUYỆT BỔ SUNG LẦN 4)

Dự án: Đường Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Lai Châu

Kèm theo Quyết định số: 1701 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2020 của UBND thành phố Lai Châu

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	**03 hộ đồng quyền sử dụng đất (Nguyễn Quang Tuấn, Ngô Mạnh Thường, Phan Thị Máy)**				
	Địa chỉ: Ông Nguyễn Quang Tuấn - Địa chỉ: Tổ 9, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu; Ông Ngô Mạnh Thường - Địa chỉ: Tổ 12, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu; Bà Phan Thị Máy - Địa chỉ: Bản Tả Làn Than, Phường Tân Phong, thành phố Lai Châu				
	Tổng kinh phí được bồi thường, hỗ trợ (a+b+c+d)				**318.868.138**
a	***Về đất (đồng quyền sử dụng đất)***				***150.930.000***
1	Diện tích thu hồi	m^2	500,0		
2	Loại đất				
	Đất ở đô thị đường số 7 (nhánh 1) đoạn từ tiếp giáp nhánh 2 đến tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	m^2	200,0	720.000	144.000.000
	Đất trồng cây hàng năm khác	m^2	300,0	36.000	10.800.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m^2	200,0	-18.000	-3.600.000
	Truy thu nghĩa vụ tài chính (thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ 2,5%)	m^2	300,0	-900	-270.000
	Vị trí (VT1)				
	Nguồn gốc: 03 hộ đồng quyền sử dụng đất (Nguyễn Quang Tuấn, Ngô Mạnh Thường, Phan Thị Máy) nhận chuyển nhượng của gia đình ông Nguyễn Quang Tiếp theo hợp đồng chuyển nhượng số 70 Quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD. Đất của ông Tiếp được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất số phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BD 611 011 cấp ngày 09/09/2011 do UBND thị xã Lai Châu cấp				
b	***Về tài sản vật kiến trúc*** *(Của hộ gia đình bà Phan Thị Máy xây dựng tháng 9/2007, khi xây dựng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, không có cấp phép xây dựng(Thực tế bà Máy đã nhận chuyển nhượng đất và xây dựng nhà trên đất từ năm 2007 nhưng đến năm 2019 mới có hợp đồng chuyển nhượng đất).*				***117.082.138***
	Tài sản xây dựng trên đất ở, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất *(Hỗ trợ 100%, theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai châu)*				
1	Nhà khung cột gỗ đường kính cột >20 cm (9,4*5)	m^2			
	*Nhà khung cột gỗ phần diện tích xây dựng trên đất ở (5,65*5)*	m^2	28,3	756.800	21.379.600
2	Bán mái xây gạch bi tường 12cm mái lợp PRxm nền láng vxm xây dựng trên đất ở (4,9*7,68) (cao 3m)	m^2	37,6	492.800	18.545.050
3	Cửa xếp (4,2*2,3)	m^2	9,7	825.000	7.969.500
4	Tường vách đất (2,7*9,4)	m^2	25,4	24.200	614.196
5	Trát VXM không đánh màu (2,7*9,4)	m^2	25,4	27.500	697.950
6	Tường vách đất (2,8*2,7)+(3*2,7)	m^2	15,7	24.200	378.972

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
7	Tường xây gạch bi tường 12cm (2,8*2,7)	m^2	7,6	127.600	964.656
8	Trần bạt dứa (5*9,4)	m^2	47,0	16.500	775.500
9	Nền BT đá dăm dày 10cm (4,7*9,4) trong đó Xây dựng trên đất ở (5,65*4,7)	m^2	26,6	83.600	2.219.998
	Tài sản vật kiến trúc xây dựng trên đất nông nghiệp, *xây dựng không đúng mục đích sử dụng đất, đủ điều kiện hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường theo Điểm c, Khoản 7, Điều 21, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu).*				
10	Nhà khung cột gỗ đường kính cột >20cm: *phần diện tích xây dựng trên đất trồng cây hàng năm khác hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường, hỗ trợ (3,75*5)*	m^2	18,8	378.400	7.095.000
11	Nhà xây gạch bi tường 12cm mái lợp PRXM nền láng XM không trần, không hiên cao 3m (6,9*5)(trừ đơn giá trần nhựa 120.340 đồng)	m^2	34,5	636.372	21.954.834
12	Trát VXM không đánh màu (2,8*2,7)+(3*2,7)+(2,8*2,7)	m^2	23,2	13.750	319.275
13	Ốp gỗ (1,2*2,7) (tính bằng ghép gỗ quanh nhà)	m^2	3,2	55.000	178.200
14	Tường vách đất (2,7*1,2)	m^2	3,2	12.100	39.204
15	Mái PRXM (3,1*9,4)*2	m^2	58,3	23.100	1.346.268
16	Ốp gỗ (5,3*2,7) (tính bằng ghép gỗ quanh nhà)	m^2	14,3	55.000	787.050
17	Bán mái xây gạch bi tường 12 cm mái lợp PRXM nền láng VXM cao 3,1m (3,85*5)	m^2	19,3	246.400	4.743.200
18	Tấm đan BTCT (0,65*1,9*0,1)	m^2	0,1	696.850	86.061
19	Ốp gạch liên doanh (1,6*0,65) (tính bằng lát nền gạch liên doanh)	m^2	1,0	71.500	74.360
20	Tường xây gạch bi tường 12cm (2,1*0,65)	m^2	1,4	63.800	87.087
21	Trần bạt dứa (3,85*5)	m^2	19,3	8.250	158.813
22	Xí xổm	cái	1,0	45.000	45.000
23	Trần gỗ (3,7*2,3)	m^2	8,5	55.000	468.050
24	Nền bê tông đá dăm xây dựng trên đất nông nghiệp hỗ trợ bằng 50% đơn giá bồi thường, hỗ trợ (3,75*4,7)	m2	17,6	41.800	736.725
	Tài sản phục vụ sản xuất nông nghiệp xây dựng trên đất trồng cây hằng năm: *khi xây dựng không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập biên bản xử lý vi phạm về xây dựng, xây dựng trước thời điểm kế hoạch sử dụng đất hàng năm được phê duyệt, không có cấp phép xây dựng, xây dựng đúng mục đích sử dụng đất.*				
24	Chuồng lợn xây gạch bi tường 12cm mái lợp PRXM nền láng VXM (6*5)	m^2	30,0	341.000	10.230.000
25	Ốp gạch máng lợn (1*4)+(1*3) (tính bằng lát nền gạch liên doanh)	m^2	7,0	143.000	1.001.000
26	Bể xây gạch đỏ tường 11cm nắp BT đựng nước sinh hoạt (2,4*1,9*1,5)	m^3	6,8	757.900	5.184.036
27	Bể phốt xây gạch đỏ tường 11cm (1,5*2,4*1,8)	m^2	6,5	757.900	4.911.192
28	Bóc tách bàn ép đậu				

TT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (đ)	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
29	Tấm đan BTCT (0,8*0,8*0,1)	m^3	0,1	1.393.700	89.197
30	Tường xây gạch bi tường 12cm (1,1*0,6)	m^2	0,7	127.600	84.216
31	Trát VXm không đánh màu (1,1*0,6)*2	m^2	1,3	27.500	36.300
32	Bó bờ hoàn chỉnh	m	2,1	48.400	101.640
33	Bếp lò xây gạch đỏ (1,25*1,25*0,65)	m^2	1,0	987.800	1.003.234
34	Tường xây gạch đỏ tường 11cm (2,5*0,5)	m^2	1,3	273.900	342.375
35	Ống nhựa PVC Φ 110	m	37,0	55.700	2.060.900
36	Ống HDPE Φ 20	m	45,0	8.300	373.500
c	***Về cây cối hoa màu trên đất do nhà bà Máy trồng***				***456.000***
1	Cây ổi bán kính phát tán từ 1 đến 2 m	Cây	1,0	360.000	360.000
2	Chậu cây cảnh (hỗ trợ di chuyển)	Chậu	4,0	24.000	96.000
d	***Về chính sách hỗ trợ (cho gia đình bà Phan Thị Máy)***				***50.400.000***
1	Hỗ trợ làm đường nước	đồng/ hộ	1,0	2.000.000	2.000.000
2	Hỗ trợ lắp đặt điện thoại, truyền hình	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
3	Hỗ trợ lắp điện chiếu sáng	đồng/hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
4	Hỗ trợ kinh phí làm thủ tục dời nhà cũ lên nhà mới	đồng/ hộ	1,0	1.000.000	1.000.000
5	Hỗ trợ tiền thuê nhà (4 khẩu)	đồng/ tháng	5,0	2.000.000	10.000.000
6	Bồi thường chi phí di chuyển nhà	đồng/ hộ	1,0	3.000.000	3.000.000
7	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp nhà nước thu hồi đất nông nghiệp (Bằng 3 lần giá đất trồng cây hàng năm khác theo Điều 16, Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu)	đồng/ hộ	300,0	108.000	32.400.000